

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HSST  
Ngày 28/4/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Đình Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Dũng và bà Trần Thị Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột:** Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2023/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023, đối với:

**Bị cáo MAI THỊ HẰNG L.**

Sinh ngày: 10/8/1985; tại: Đắk Lắk.

Nơi thường trú: Đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 11/12; con ông Mai Văn H, sinh năm 1959 và con bà Đoàn Thị T, sinh năm 1962; có chồng là Trần Đức Đ, sinh năm 1989; bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

- Tiền án: 01 tiền án. Ngày 09/3/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 07 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (tại Bản án 38/2017/HSST). Bị cáo chưa chấp hành hình phạt.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2022. Có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại:** Ông Bùi Quốc T. Sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Bà Bùi Thị Hồng V. Sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Bùi Quốc L. Sinh năm 1995.

Trú tại: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Bà Đặng Thị Mỹ H. Sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, ông L và bà Hạnh: Bà Bùi Thị Hồng V; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bị cáo Mai Thị Hằng L là người đã có 01 tiền án, về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chưa chấp hành hình phạt. Trong tháng 01/2020, Mai Thị Hằng L đã nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người dân trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, cụ thể:

**Vụ thứ nhất:** Đầu tháng 01/2020, Mai Thị Hằng L có mối quan hệ quen biết với chị Huỳnh Diệu Quỳnh H1. Quá trình quen biết, L nói cho chị H1 biết mình có nhiều mối quan hệ quen biết nên chị H1 có kể cho L biết việc gia đình anh Bùi Quốc L (là người yêu của chị H1) có thể chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền của anh Phan Trung K nhưng không có tiền trả nên anh Kiên đã tự ý chuyển quyền sử dụng 03 thửa đất trên sang tên anh K, thì L nói sẽ nhờ người làm lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh L. Sau đó, L liên hệ với Hà Ngọc L (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để làm lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh L, thì Hà Ngọc L đồng ý làm với giá 100.000.000 đồng và L sẽ cho L 50.000.000 đồng (theo lời khai của bị cáo L). Đến ngày 14/01/2020, L hẹn anh Bùi Quốc L đến quán cà phê Hoàng Gia (chưa rõ địa điểm) để trao đổi về việc làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại đây, L gặp ông Bùi Đình H, bà Trần Thị L, anh Bùi Quốc T anh Bùi Quốc L và chị H1, để tạo lòng tin cho gia đình ông Hiếu, L đưa ra thông tin gian dối mình là Hà Ngọc L có mối quan hệ quen biết bên Tài nguyên môi trường, có thể làm lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 100.000.000 đồng trong vòng 01 tháng mà không cần phải có sự đồng ý của anh Kiên, L yêu cầu gia đình ông H phải đưa trước cho L số tiền 20.000.000 đồng. Do tin tưởng là thật nên cùng ngày, anh T (đại diện gia đình ông H) đã đưa cho L số tiền 20.000.000 đồng, L viết giấy giao nhận tiền với nội dung Hà Ngọc L nhận của anh Bùi Quốc T số tiền 20.000.000 đồng và ký tên Hà Ngọc L. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, L đến phòng trọ của L lấy số tiền 20.000.000 đồng và cho L số tiền 1.000.000 đồng (theo lời khai của bị cáo). Đến ngày 16/01/2020, L gọi điện cho L yêu cầu gia đình anh T đưa thêm số tiền 20.000.000 đồng để L đưa cho người quen ở thành phố Hồ Chí Minh làm lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh T, thì L biết L sẽ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhưng vì háms lợi nên L không nói cho anh T biết và yêu cầu anh T đưa thêm 20.000.000 đồng (theo lời khai của bị cáo L). Lúc này, anh T nói chỉ còn số tiền 10.000.000 đồng, thì L đồng ý nhận nên anh T nhờ chị Đặng Thị Mỹ H (là vợ anh T) mang số tiền 10.000.000 đồng đến phòng trọ giao cho L. Khi nhận tiền, L viết giấy biên nhận với nội dung Hà Ngọc L nhận của anh Bùi Quốc T số tiền 10.000.000 đồng. Sau

đó, L đưa ra nhiều lý do gian dối để yêu cầu anh T đưa thêm số tiền 66.000.000 đồng làm lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng số tiền, L đã nhận của anh Bùi Quốc T là 96.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt có được, L khai nhận đưa cho Hà Ngọc L số tiền 56.000.000 đồng, số tiền 40.000.000 đồng còn lại L Sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi biết L lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chị Bùi Thị Hồng V (đại diện gia đình anh T) đã gửi đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để xử lý.

**Vụ thứ hai:** Khoảng giữa tháng 01/2020, quá trình Mai Thị Hằng L làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh Bùi Quốc T, thì L khoe với anh T mình có quen biết nhiều người trong lực lượng Công an. Do tin tưởng là thật nên anh T có kế cho L việc chị Bùi Thị Thu H (là chị gái của anh T), trú tại: Thôn 3, xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tạm giam về tội Bắt giữ người trái phép luật. Lúc này, L tiếp tục đưa ra thông tin gian dối mình có quen biết nhiều người trong lực lượng Công an có thể xin tại ngoại cho chị H và nói sẽ liên hệ để xin tại ngoại cho chị H, thì anh T đồng ý. Sau đó L liên hệ với Hà Ngọc L để hỏi xin tại ngoại cho chị H thì L giới thiệu anh Nguyễn Minh T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cho L để L liên hệ xin tại ngoại. L liên lạc với anh T thì anh T đồng ý và ra giá 30.000.000 đồng, L được hưởng số tiền 10.000.000 đồng thì L đồng ý (theo lời khai của bị cáo L). Do tin tưởng L có thể xin tại ngoại cho chị H nên anh T đã nói cho chị Bùi Thị Hồng V (là chị gái của anh T) biết để chị V liên hệ với L trao đổi. Sau đó, chị V liên hệ L thì L tiếp tục đưa ra thông tin gian dối có quen biết nhiều người ở Công an thành phố Buôn Ma Thuột và có thể xin tại ngoại cho chị H với chi phí là 30.000.000 đồng nhằm tạo thêm niềm tin cho chị V. Do tin tưởng L nên chị V đồng ý và nhờ anh Bùi Quốc L mang số tiền 30.000.000 đồng giao cho L, thì anh L đồng ý. Lúc này, anh L liên hệ L để hỏi nhờ ai thì L tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là nhờ bác Tư Roi gọi xuống Công an thành phố Buôn Ma Thuột để xin tại ngoại cho chị H, thì anh L tin tưởng và mang số tiền 30.000.000 đồng đến quán cà phê Hoàng Gia, đường Phan Huy Chú, phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột đưa cho L. Sau khi nhận tiền từ anh L, L mang đến khu vực đối diện siêu thị CoopMark, thuộc đường Lý Tự Trọng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột đưa cho T, T cho L số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, Tuấn nhiều lần gọi điện yêu cầu L đưa thêm số tiền 30.000.000 đồng để xóa hồ sơ vi phạm cho chị H. Lúc này, L biết Tuấn không xóa được hồ sơ vi phạm pháp luật cho chị H nhưng do háms lợi nên L đã liên hệ chị V yêu cầu đưa thêm cho L số tiền 30.000.000 đồng để xóa hồ sơ vi phạm cho chị H, thì chị V đồng ý. Chị V nói chỉ còn 20.000.000 đồng, thì L đồng ý nhận và nói sẽ cho chị V mượn số tiền 10.000.000 đồng để lo việc, chị V đồng ý và nhờ anh L mang số tiền 20.000.000 đồng đến khu vực trước tượng đài liệt sỹ, đường Lê Duẩn, thành phố Buôn Ma Thuột đưa cho L. Quá trình nhận tiền của anh L, L tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là khoảng từ 01 ngày đến 02 ngày nữa chị H sẽ được tại ngoại nhằm tạo lòng tin cho anh L. Sau khi nhận số tiền từ anh L, L đưa số tiền 20.000.000 đồng cho T và T cho L số tiền 10.000.000 đồng. Khoảng 02 ngày sau, chị V liên hệ L hỏi khi nào chị H được tại ngoại nên L liên hệ T để hỏi thì T yêu cầu L nói gia

đình chị V đưa thêm số tiền 20.000.000 đồng để đưa cho Trưởng nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột ký giấy cho chị H được về. Lúc này, L biết Trưởng nhà tạm giữ không có chức năng ký giấy cho chị H về nhưng do hám lợi L vẫn đồng ý. Sau đó, L gọi điện cho chị V yêu cầu đưa thêm cho L số tiền 20.000.000 đồng để L đưa cho Trưởng nhà tạm giữ ký giấy cho chị H về, thì chị V đồng ý và nói chỉ còn 17.000.000 đồng, L đồng ý nhận 17.000.000 đồng và nói sẽ cho chị V mượn số tiền 3.000.000 đồng còn thiếu. Chị V nhờ anh L đem số tiền 17.000.000 đồng đến quán cà phê Hoàng Gia giao cho L rồi L đưa lại cho Tuấn. Sau khi biết L lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chị Bùi Thị Hồng V đã gửi đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để xử lý.

Tại Bản kết luận giám định số 1064/KLGD-PC09 ngày 08/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ viết mang tên Hà Ngọc L trong các tài liệu cần giám định (gồm 02 giấy nhận tiền đề ngày 14/01/2019, 16/01/2020 cùng ký tên Hà Ngọc L và 01 bản tự khai đề ngày 23/10/2020, người viết Mai Thị Hằng L) là do cùng một người viết ra. Chữ ký mang tên Hà Ngọc L khác dạng so với Mai Thị Hằng L trong các tài liệu cần giám định nên không tiến hành giám định.

Tại bản Cáo trạng số 108/CT-VKS-HS ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo Mai Thị Hằng L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s, u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Thị Hằng L từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) năm tù của Bản án số: 38/2017/HSST ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là từ 13 (mười ba) năm đến 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đối với 02 đĩa CD màu trắng cam, có dòng chữ Spark, lưu giữ file ghi âm cuộc nói chuyện với Mai Thị Hằng L; 02 giấy nhận tiền đề ngày 14/01/2019, 16/01/2020 cùng ký tên Hà Ngọc L, là vật chứng của vụ án nên cần lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự:

+ Đề nghị chấp nhận việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà Bùi Thị Hồng V số tiền 35.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà Bùi Thị Hồng V số tiền 32.000.000 đồng; bồi thường cho ông Bùi Quốc T số tiền 96.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như trong bản Cáo trạng; bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Mai Thị Hằng L có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, vật chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác và muốn có tiền tiêu xài, nên trong tháng 01/2020, tại địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo Mai Thị Hằng L đã chiếm đoạt của anh Bùi Quốc T số tiền 96.000.000 đồng; chiếm đoạt của bà Bùi Thị Hồng V số tiền 67.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 163.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu đồng*).

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

### **Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:**

*“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*a).....;*

*c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.*

Xét tính chất của vụ án, xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là công dân có đầy đủ nhận thức tài sản hợp pháp của người khác là

khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ và biết rõ mọi hành vi xâm hại đến tài sản của người khác đều phải bị trừng trị. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động, lợi dụng lòng tin của ông T và bà V, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để ông T và bà V tin tưởng, nhằm chiếm đoạt của anh Bùi Quốc T số tiền 96.000.000 đồng; bà Bùi Thị Hồng V số tiền 67.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, xâm hại đến trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Bị cáo đã có 01 tiền án. Ngày 09/3/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 07 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (tại Bản án 38/2017/HSST). Bị cáo chưa thi hành án. Điều này thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, phải cách L bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo; đồng thời đủ sức răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà Bùi Thị Hồng V số tiền 35.000.000 đồng; bị cáo đã lập công chuộc tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét khi lượng hình để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với người phạm tội.

Từ những xem xét, đánh giá, nhận định trên, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp, cần chấp nhận.

- Trong vụ án này, đối với việc bị cáo Mai Thị Hằng L khai nhận: Số tiền 96.000.000 đồng chiếm đoạt của anh Bùi Quốc T, L đưa cho Hà Ngọc L số tiền 56.000.000 đồng để làm lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh Bùi Quốc T; số tiền 67.000.000 đồng chiếm đoạt của chị Bùi Thị Hồng V, L đưa cho Nguyễn Minh T số tiền 47.000.000 đồng để xin tại ngoại và xóa hồ sơ vi phạm pháp luật cho chị Bùi Thị Thu H. Quá trình điều tra, bị cáo L không có chứng cứ gì để chứng minh việc đưa tiền cho Hà Ngọc L và Nguyễn Minh T; Cơ quan điều tra chưa làm việc được với Hà Ngọc L và Nguyễn Minh T nên không có căn cứ xác định Hà Ngọc L và Nguyễn Minh T làm chức vụ gì trong các cơ quan có liên quan hay L và T có đưa tiền cho người có chức vụ trong các cơ quan hay không. Do đó, chưa có căn cứ để xử lý hành vi của bị cáo L, Bùi Quốc T, Bùi Thị Hồng V về tội đưa hối lộ hoặc môi giới hối lộ.

Đối với Hà Ngọc L (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người bị cáo L khai nhận tiền để làm lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh Bùi Quốc T; Nguyễn Minh T là người bị cáo L khai nhận tiền để xin tại ngoại và xóa hồ sơ vi phạm pháp luật cho chị Bùi Thị Thu H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành

phố Buôn Ma Thuật chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự:

+ Chấp nhận việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà Bùi Thị Hồng V số tiền 35.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Bùi Thị Hồng V số tiền 32.000.000 đồng; bồi thường cho ông Bùi Quốc T số tiền 96.000.000 đồng.

- Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đối với 02 đĩa CD màu trắng cam, có dòng chữ Spark, lưu giữ file ghi âm cuộc nói chuyện với Mai Thị Hằng L; 02 giấy nhận tiền đề ngày 14/01/2019, 16/01/2020 cùng ký tên Hà Ngọc L, là vật chứng của vụ án nên cần lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự;

#### **[1] Tuyên bố:**

Bị cáo Mai Thị Hằng L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s, u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Mai Thị Hằng L: 06 (sáu) năm tù.

Áp dụng Điều 55, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) năm tù của Bản án số: 38/2017/HSST ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 13 (mười ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 28/4/2023.

**[2] Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự:

+ Chấp nhận việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà Bùi Thị Hồng V số tiền 35.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà Bùi Thị Hồng V số tiền 32.000.000 đồng; bồi thường cho ông Bùi Quốc T số tiền 96.000.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.*

**[3] Biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 02 đĩa CD màu trắng cam, có dòng chữ Spark, lưu giữ file ghi âm cuộc nói chuyện với Mai Thị Hằng L; 02 giấy nhận tiền đề ngày 14/01/2019 và ngày 16/01/2020 cùng ký tên Hà Ngọc L, là vật chứng của vụ án.

**[4] Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh, VKSND TP. BMT;
- TAND tỉnh;
- Công an TP. BMT;
- CCTHADS TP, THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phan Đình Hải**